

Số: /VP-TTCNTT

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 726/KH-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 113-CTr/TU ngày 18/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Thực hiện Kế hoạch số 726/KH-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 113-CTr/TU, ngày 18/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Kế hoạch 726). Văn phòng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 726/KH-UBND, ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Xác định các nhiệm vụ cụ thể của từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh; đề cao trách nhiệm của lãnh đạo Văn phòng, trưởng các phòng, ban và đơn vị trực thuộc; hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là bước đột phá quan trọng hàng đầu trong hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh giai đoạn 2025-2030.

2. Yêu cầu

Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch 726.

Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, đúng chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh, đảm bảo **“rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”**, thể hiện vai trò của đơn vị chủ trì thực hiện và sự phối hợp với các phòng, ban, đơn vị khác trong việc triển khai các nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 726 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng UBND tỉnh.

Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch.

2. Nhiệm vụ cụ thể

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng căn cứ theo nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II, tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn yêu cầu; kịp thời báo cáo, tham mưu cho Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh, báo cáo tình hình triển khai thực hiện vào ngày 23 hàng tháng./.

Nơi nhận:

- Sở KHCN (để t/h);
- Các phòng, ban, đơn vị của VP;
- Lãnh đạo VP UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, Ngọc.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Viết Hải

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /VP- TTCNTT ngày / /2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Đơn vị chỉ trì
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
7	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
8	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
9	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử	%	100	Trung tâm Công nghệ thông tin
10	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Trung tâm Công nghệ thông tin
11	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Trung tâm Công nghệ thông tin